TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2019/DSPT
Ngày 16/07/2019
V/v "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và tranh chấp quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung
Các Thẩm phán: Ông Triệu Quốc Hiếu
Ông Nguyễn Văn Trường

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*** **:**Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2018/TLPT - DS, ngày 05/12/2018 về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:128/2019/QĐPT-DS ngày 19 tháng 06 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị A sinh năm: 1935 (chết ngày 13/7/2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà A gồm có:

1/ Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1967 (vắng).

Địa chỉ: Số , thị trấn C, huyện C L, tỉnh Bến Tre.

2/ Chị Đỗ Thị K, sinh năm 1960(vắng).

Địa chỉ: Số, thị trấn C L, huyện C L, tỉnh Bến Tre.

3/ Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1969 (vắng).

Địa chỉ: Số , thị trấn C , huyện C L, tỉnh Bến Tre.

4/ Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1957 (vắng).

Địa chỉ: Số , thị trấn C L, huyện C L, tỉnh Bến Tre.

5/ Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1965(vắng).

Địa chỉ: Số , thị trấn C L, huyện C L, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện hợp pháp của của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà A là:* Ông Võ Thanh T sinh năm 1966; Địa chỉ ấp An H , xã M , uyện Mt, tỉnh Vĩnh Long (ủy quyền ngày 01/03/2019, có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đỗ Thị T* và anh Đỗ Văn L là ông Trương Ngọc S – Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Lìm Ngọc Sang T1, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Hà Thị N, sinh năm 1928 (chết ngày 12/4/2017)

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Năm gồm có:*

1.1/Anh Cao Văn T2, sinh năm 1948 (vắng).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.2/ Chị Cao Thị C, sinh năm 1953 (vắng).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C tỉnh Bến Tre.

1.3 Chị Cao Thị Đ, sinh năm 1967 (vắng).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.4/ Anh Cao Văn N, sinh năm 1973 (vắng).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.5/ Anh Cao Văn T3, sinh năm 1965 (vắng).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.6/ Chị Cao Thị M, sinh năm 1970 (vắng).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Bà Cao Thị Th, sinh năm 1953 (vắng).

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Chị Hồ Thị Thu V, sinh năm 1967 (vắng).

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng :*

1/ Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1962 (vắng).

2/ Bà Nguyễn Thị Bạch H, sinh năm 1963 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

-*Người kháng cáo:* Chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Hà Thị A .

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Hà Thị A và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Bà Hà Thị A là em ruột bà Hà Thị L, bà L có chồng là ông Nguyễn Văn P, bà L và ông P không có con, ông P chết năm 1988, bà L chết năm 2010. Cha mẹ ruột của bà L và ông P đã chết. Hàng thừa kế thứ nhất của bà L không có. Bà L có tất cả 5 anh chị em ruột gồm: Hà Văn T (chết năm 1990); Hà Văn H (chết năm 1974); Hà Văn S (chết năm 1967); Hà Thị N và Hà Thị A. Ông P có anh chị em ruột đã chết là Nguyễn Văn P (chết năm 1988); Nguyễn Thị N (chết năm 1994); Nguyễn Thị T (chết năm 2012) ông P,bà L chết không để lại di chúc.

Di sản thừa kế của bà L là phần đất có diện tích 1829m^2 đất, từ năm 2000 đến 2006 bà L đã bán một phần nên còn khoảng 900m^2 thuộc thửa 229 tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp P, xã B,huyện L, tỉnh Vĩnh Long và một căn nhà cấp 4 khoản 40m^2 trên đất . Trước đây bà L bị bệnh bà A ở xa nên có nhờ bà Lìm Ngọc Sang T1 nuôi và chăm sóc bà L. Sau khi bà L qua đời, bà T1 chiếm toàn bộ tài sản của bà L. Bà A khởi kiện yêu cầu hưởng thừa kế theo pháp luật đối với phần đất 900m^2 và một căn nhà cấp 4, buộc bà T1 phải giao trả cho bà A toàn bộ tài sản này.

Tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn rút lại yêu cầu chia căn nhà của bà Hà Thị L, xin rút lại một phần yêu cầu về số đất. Trước đây theo đơn khởi kiện là xin hưởng toàn bộ đất của bà L khoảng 900m^2 nay chỉ yêu cầu chia thừa kế 50% di sản là đất của bà L, xin nhận phần đất có diện tích thuộc tách thửa 229-4 diện tích 231,6m^2 và 150m^2 tách từ thửa 229-2; đề nghị cắt phần giáp vào đường khoảng 1,5m chạy dọc theo các thửa 554, 567,228 theo trích đo bản đồ địa chính ngày 04/01/2016, phần đất bà V và bà Th sử dụng không tranh chấp vì bà L đã bán cho họ. Diện tích 17,2m^2 thuộc thửa 229-3 dành làm lối đi cho các hộ phía sau. Diện tích đất của bà V đo đạc có dư 16m^2 đã thuộc về phần đất còn lại của bà L nên nguyên đơn không yêu cầu.

- Tại đơn phản tố ngày 09/4/2016 và bản khai ý kiến của bị đơn Lìm Ngọc Sang T2 trình bày:

Khi chị T1 2 tuổi gia đình khó khăn nên bà L, ông P đã xin cha, mẹ chị Th1 làm con nuôi. Bà L đã mang về chăm sóc, cho đi học, lớn lên bà L gã chồng và làm đám cưới, khi bà L già yếu, nhà bà L xuống cấp, chị T1 đã cất nhà cho bà L ở và chăm sóc thuốc than. Khi bà L già, không làm ra tiền chị T1 đã chăm sóc nuôi dưỡng, căn nhà bà L hư hỏng nên chị T1 xây lại vào năm 2000 và ở một vị trí khác (nhà vách tole, mái tole, nền gạch tàu, gỗ tạp diện tích 4x9,6m), bà L qua đời chị T1 đã lo mai táng và thờ phụng bà L1, vườn đất của bà Lợi khi còn sống do chị T1 trồng trọt quản lý. Tất cả giấy tờ của bà L cũng đã giao chị T1 quản lý, bà L đã làm giấy tặng cho đất cho chị T1. Chị T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A và yêu cầu công nhận toàn bộ nhà và đất tranh chấp cho chị T1. Đối với quán nước của bà Đ đang sử dụng chị T1 không tranh chấp , chị T1 tự nguyện dành 17,2m^2 thửa 229-3 làm lối đi cho các hộ phía sau. Về phần đất bán cho bà V là 36m^2 có cất thêm một mái che 16m^2 thì chị T không tranh chấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Thu V trình bày*: Năm 1994 chị V có mua đất của bà Hà Thị Lợi diện tích 36m^2 chưa sang tên tách bộ, nay bà L qua đời, chị V không tranh chấp với nguyên đơn, bị đơn và xin không tham gia giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Đ trình bày*: Bà Đ là cháu kêu bà L bằng mợ, bà Đ cất nhà trên đất bà L nay đã xuống cấp, có trồng một số mía, chuối, mít, mận, trên đất này còn có một có một quán nước tiền chế. Nay bà L chết đất có tranh chấp, nếu sau này bên nào thắng kiện cho bà Đ ở thì bà Đ ở, không cho thì chấp nhận di dời nhà và cây trồng không khiếu nại và không tham gia giải quyết vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Th trình bày*: Bà Th là vợ ông Phạm Văn H, trước đây ông H có mua 500m^2 của bà L chưa tách bộ nên có tranh chấp, đã có bản án của Tòa xử khi ông Hai còn sống , ông H đã chết ngày 05/11/2011, bà Th không tham gia giải quyết vụ kiện.

- *Ý kiến người làm chứng Bà H và ông M thống nhất trình bày*: Bà H và ông M là cháu ruột của ông P, biết rất rõ chị T1 là con nuôi của ông Pc và bà L. Khi bà L già yếu chị T1 chăm sóc đến ngày bà L chết, chị T1 là người thờ phụng, quản lý đất đai của bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 609, 649, 651, 653 Bộ luật dân sự 2015. Điều 167, 168,169 Luật đất đai 2013. Nghị quyết 01/NQ HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Điều 50 Luật nuôi con nuôi năm 2011.

Căn cứ Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án .

Tuyên xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đòi hưởng thừa kế tài sản của bà Hà Thị L bao gồm tách thửa 229-4 diện tích 231,6m^2 và 150m^2 tách thửa 229-2.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lìm Ngọc Sang T1. Công nhận cho chị Thu được quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất tách thửa 229-4 diện tích 231.6m^2; tách thửa 229-2 diện tích 603,8m^2 và thửa 229-3 diện tích 17,2m^2

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/1/2016 của phòng tài nguyên môi trường huyện Long Hồ)

Công nhận cho chị Lìm Ngọc Sang T1 sở hữu căn nhà có diện tích 38,4m^2 (ngang 4, dài 9,6m) trên tách thửa 229-2.

Chị Lìm Ngọc Sang T1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đòi hưởng căn nhà cấp 4 có diện tích 38,4m^2

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đòi hưởng tài sản diện tích 453,8m^2 thuộc tách thửa 229-2. Nguyên đơn không được quyền khởi kiện lại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định, chi phí giám định chữ ký. Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 24/10/2018 anh Đỗ Văn L và chị Đỗ Thị T kháng cáo có cùng nội dung, kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết được hưởng 50% thừa kế quyền sử dụng đất của bà Hà Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo anh Đỗ Văn L và chị Đỗ Thị T do ông T đại diện theo ủy quyền thay đổi một phần kháng cáo. Yêu cầu chia cho những người kế thừa quyền và tố tụng của bà Hà Thị A được hưởng phần đất diện tích 230,1m^2 có vị trí giáp quốc lộ 57, gắn liền khu mộ và căn nhà của bà Đ, tự nguyện tặng cho lại bà Đ phần

đất này do có mồ mã ông bà của bà Đ và ngôi mộ của ông P là cậu ruột bà Đ để bà Đ sử dụng vào việc chăm sóc mồ mã và thờ cúng ông bà. Đối với 18m^2 đất đồng ý làm lối đi cho bà Cao Thị Th; 28,7m^2 đất đồng ý làm lối đi cho cho các hộ phía trong; 17,7 m^2 yêu cầu làm lối đi vào phần mộ bà L; 49,1m^2 có căn nhà của chị Hồ Thị Thu V không tranh chấp; căn nhà của bà L có diện tích 40,7m^2 không tranh chấp đồng ý giao chị T1 được quyền sử dụng hợp pháp.

- Chị T1 không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông L và bà T. Đối với 18m^2 đất đồng ý làm lối đi cho bà Cao Thị Th; 28,7m^2 đất đồng ý làm lối đi cho cho các hộ phía trong; Đối với 17,7 m^2 đồng ý làm lối đi cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và cháu ông P sử dụng làm lối đi vào mộ bà L; 49,1m^2 có căn nhà của chị Hồ Thị Thu V không tranh chấp.

- *Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T và anh L như sau*: Giữa chị T1 và bà L, ông P không có quan hệ con nuôi và cha mẹ nuôi, giấy tờ cho đất không phù hợp pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T và anh L được hưởng di sản thừa kế của bà L là phần đất có diện tích 230,1m^2 thuộc tách thửa 229 có vị trí nằm cặp quốc lộ 57, trên đất có tài sản của bà Đ và mồ mã ông bà của bà Đ nên ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh L giao cho bà Đ được quyền sử dụng hợp pháp phần đất 230,1m^2 vào việc thờ cúng chăm sóc mồ mã ông bà.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

Về nội dung: Xét về hàng thừa kế thứ hai của bà Hà Thị L là bà Hà Thị N (chết năm 2017) và bà Hà Thị A (chết 2017). Chị T1 là người chăm sóc bà L và thờ cúng bà L nên xét cho chị T1 được hưởng một suất thừa kế theo pháp luật . Bà N giao lại cho chị T1 kỷ phần thừa kế nên chị T được hưởng 02 phần, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A được hưởng 01 phần thừa kế . Phần đất tranh chấp có diện tích 648,2m^2, trong đó 81,6m^2 là phần mộ; 46,4m^2 là lối đi (17,7m^2 + 28,7m^2); 49,1m^2 nhà của chị Hồ Thị Thu V và 471,1m^2 (trong đó có 40,7m^2 nhà của bà Lợi) hiện do chị Lìm Ngọc Sang T1 đang quản lý sử dụng. Vị trí 2: có diện tích 248,1m^2, trong đó 53,4m^2 là phần mộ;18m^2 là lối đi; 176,7m^2 (trong đó có 91,7m^2 nhà của bà Cao Thị Đ). Các đương sự thống nhất dành diện tích 64,4m^2 (46,4m^2 vị trí 1 và 18m^2 vị trí 2) làm lối đi chung. Xét phần đất vị trí 2,

diện tích 230,1m^2, trong đó có căn nhà của bà Cao Thị Đ và phần mộ của ông P, nên giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A là phù hợp. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A thống nhất giao lại cho bà Cao Thị Đ để thờ cúng ông bà, quản lý chăm sóc mồ mã, nên ghi nhận sự tự nguyện này. Công nhận cho bà Cao Thị Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 230,1m^2 loại đất thổ vườn, trong đó có 100m^2 đất thổ. Phần đất vị trí 1, diện tích 601,8m^2 gắn liền căn nhà của bà Hà Thị L, trong đó có 49,1m^2 là nhà của bà V không tranh chấp. Vì vậy giao cho chị T1 được quyền sử dụng diện tích 601,8m^2 loại đất thổ vườn, trong đó có 200m^2 đất thổ. Buộc bà Đ phải có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch cho chị Lìm Ngọc Sang T1 là 23.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử, Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Văn L. Sửa án sơ thẩm. Do sửa án nên phần án phí cũng được xác định lại theo qui định pháp luật. Bà T và ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa sơ thẩm xét xử ngày 10/10/2018 thì đến ngày 26/10/2018 nhận đơn kháng cáo của anh Liêm và chị Thanh còn trong hạn luật định nên là kháng cáo, hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung:*Xét kháng cáo của chị T và anh L do ông T đại diện yêu cầu chia cho những người kế thừa quyền và tố tụng của bà Hà Thị A được hưởng phần đất diện tích 230,1m^2 có vị trí giáp quốc lộ 57, gắn liền khu mộ và căn nhà + quán nước của bà Đuột.

[3] Bà Hà Thị L (chết năm 2010) và ông Nguyễn Văn P (chết năm 1988 là vợ chồng, bà L và ông P không có con chung. Bà L có các anh chị em gồm: Hà Văn T (chết năm 1990), Hà Văn H (chết năm 1974), Hà Văn S (chết năm 1967), Hà Thị N (chết năm 2017), Hà Thị A (chết 2017). Ông P có các anh chị em gồm: Nguyễn Văn P (chết 1998), Nguyễn Thị Nh (chết 1994), Nguyễn Thị T (chết 2012).

Cha mẹ của bà L và ông P đều chết nên hàng thừa kế thứ nhất của bà L không còn. Hàng thừa kế thứ hai của bà L gồm bà Hà Thị N, bà Hà Thị A.

[4]Theo tư liệu đo đạc thực hiện Chỉ thị 299/TTg, phần đất thửa 283 diện tích 3.425m^2 loại đất vườn do ông Nguyễn Văn P kê khai trong sổ mục kê ruộng đất. Đến năm 1988 ông P chết. Đến năm 1991 bà Lợi là vợ và cũng là người thừa kế duy nhất của ông P đăng ký trong sổ bộ địa chính thửa 229 diện tích 3.027m^2 loại đất thổ vườn được Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cấp quyền sử dụng đất ngày 30/6/1995. Sau đó, bà Lợi chuyển nhượng cho người khác cũng như bị thu hồi một phần đất làm lộ nên diện tích còn lại là 896,3 m^2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 06/6/2019 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long. Như vậy di sản thừa kế của bà L là phần đất có diện tích 896,3 m^2 .

[5] Chị T1 cho rằng từ nhỏ đã sống chung với bà L, ông P và được bà L, ông P nhận làm con nuôi. Theo qui định tại Điều 72 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì việc nhận nuôi con nuôi phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký và ghi vào sổ hộ tịch. Sau khi Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực đến thời điểm bà Hà Thị L chết năm 2010, nhưng bà L và chị T1 vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký việc nuôi con nuôi. Mặt khác, tại tờ đồng ý cho chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng đất lập ngày 30/12/2003 có nội dung bà Lợi đồng ý cho cháu tôi tên Lìm Ngọc Sang T1 một phần đất thuộc thửa 229 không xác định diện tích đất và vị trí đất. Như vậy, bà L đã xác định chị T1 là cháu chứ không phải là con nuôi. Do đó không có căn cứ để xác định chị Lìm Ngọc Sang T1 là con nuôi của bà Hà Thị L.

[6] Xét Tờ đồng ý cho chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng đất ngày 30/12/2003, có nội dung bà Lợi cho chị T1 một phần đất thuộc thửa 229 nhưng không có chính quyền địa phương xác nhận, chị T1 cũng không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật. Đến năm 2005 bà L lại tiếp tục chuyển nhượng đất cho bà Trần Thị Hồng T và bà Nguyễn Thị B đã sang tên tách thửa thể hiện tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy không có căn cứ để công nhận chị Thu là người sử dụng hợp pháp một phần đất thuộc thửa 229. Di sản thừa kế của bà Lợi có diện tích 896,3 m^2 bao gồm:

Vị trí 1: Diện tích 648,2m^2 trong đó phần đất khu mộ có diện tích 81,6m^2 gồm 4 ngôi mộ là mộ ông ngoại, bà ngoại của ông Ph, mộ của bà N là em ông P và mộ bà L; 28,7m^2 lối đi chung, 17,7m^2 lối đi vào mộ ; 49,1m^2 có căn nhà của chị Hồ Thị Thu V ; phần còn lại 471,1m^2 do chị T1 quản lý trong đó có một căn nhà của bà Lợi diện tích 40,7m^2.

Vị trí 2: Diện tích 248,1m^2 trong đó phần đất khu mộ có diện tích 53,4m^2 gồm 4 ngôi mộ là mộ cha, mẹ ông P, mộ ông P và cháu ông P; 18m^2 lối đi chung; phần còn lại 176,7m^2 trong đó bà Đ quản lý 91,7m^2 là nhà và quán nước của bà Đ.

[7]Tại phiên tòa đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn thống nhất không tranh chấp các phần đất tại vị trí 1 có diện tích 28,7m^2 + 17,7 m^2 để làm lối đi chung và lối đi vào khu mộ , diện tích 49,1m^2 do bà L đã chuyển nhượng cho chị V nên phần đất thửa 229 vị trí 1 còn lại là 552,7m^2 ; phần đất tại vị trí 2 có diện tích 18m^2 để làm lối đi chung nên phần đất thửa 229 vị trí 2 còn lại là 230,1m^2.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 16/4/2019 xác định giá đất vị trí giáp quốc lộ 57 đất thổ 750.000đ /m^2 , đất vườn 200.000đ /m ^{2} ; vị trí không giáp quốc lộ 57 đất thổ 488.000đ /m^2 , đất vườn 100.000đ /m^2 . Di sản thừa kế của bà L được tính như sau:

- Đất vị trí giáp quốc lộ 57 là 230,1m^2 Trong đó 100m^2 đất thổ x 750.000đ = 75.000.000đ; Diện tích 130,1m^2 đất vườn x 200.000đ =26.020.000; Tổng cộng 101.020.000đ.

- Đất vị trí không giáp quốc lộ 57 có diện tích 552,7m^2 ; Trong đó 200m^2 đất thổ x 488.000đ = 97.600.000đ. Diện tích 352,7m^2 đất vườn x 100.000đ = 35.270.000đ ; Tổng cộng 132.870.000đ.

[8] Xét thấy, di sản thừa kế của bà L được chia hai phần cho bà A và bà N. Tuy nhiên bà N có ý kiến giao kỷ phần thừa kế lại cho chị T1. Xét hiện trạng tách thửa đất 229 vị trí 1 không giáp quốc lộ 57 có diện tích 552,7m^2 có căn nhà bà L, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A đồng ý giao cho chị T1 không tranh chấp, có ngôi mộ của bà L do chị T1 là người thờ cúng bà L. Do vậy chia cho chị T1 được hưởng phần đất có diện tích 552,7m^2 giá trị thành tiền 132.870.000đ , trong đó kỷ phần thừa kế của bà N chị T1 được hưởng là 101.020.000đ, phần công sức chăm sóc nuôi dưỡng bà L chị T1 được hưởng là 31.850.000đ và căn nhà của bà L gắn liền thửa đất là phù hợp.

[9] Trên phần đất vị trí 1 có diện tích 49,1m^2 là nhà của chị V. Do bà V không có yêu cầu tách thửa đất, các đương sự thống nhất người nào được công nhận phần đất này thì có nghĩa vụ tách thửa sang tên cho chị V. Do phần đất 49,1m^2 gắn liền với phần đất chia cho chị T1 nên giao cho chị T1 49,1m^2 + 552,7 m ^{2} = 601,8m^2 và chị Vân sẽ thỏa thuận với chị T1 về việc tách thửa, sang tên phần đất đã nhận chuyển nhượng của bà L.

Trên phần đất 552,7 m^2 mà chị T1 được hưởng có phần đất khu mộ diện tích 81,6m^2 gồm 4 ngôi mộ là mộ ông ngoại, bà ngoại của ông P, mộ của bà Nh là em ông P và mộ bà L. Chị T1 có ý kiến đồng ý cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A và con cháu ông P được quyền chăm sóc mồ mà ông bà của họ nên ghi nhận sự tự nguyện này.

[10] Đối với phần đất thuộc tách thửa 229 vị trí 2 giáp quốc lộ 57 là 230,1m^2 giá trị thành tiền 101.020.000đ, có căn nhà + quán nước của bà Đ và phần mộ của ông, bà ngoại của bà Đ và của ông P (là cậu ruột bà Đ), đồng thời trên vị trí đất này có nhà và căn quán của bà Đ nên giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A để họ tặng cho lại bà Cao Thị Đ quản lý sử dụng vào việc thờ cúng, chăm sóc mồ mã ông bà là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A tặng cho phần đất có diện tích 230,1m^2 cho bà Đ sử dụng vào việc thờ cúng.

[11] Về chi phí khảo sát đo đạc định giá tài sản và chi phí giám định chữ ký cấp sơ thẩm là 7.517.000đ, cấp phúc thẩm là 3.500.00đ, tổng cộng là 11.017.000đồng. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A tự nguyện nộp 5.508.500đ được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng tại cấp sơ thẩm 4.102.000đ và số tiền nộp tạm ứng cấp phúc thẩm 3.500.000đ. Chị T1 phải nộp 5.508.500đ được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng 3.415.000đ, chị T1 phải nộp tiếp 2.093.500đ để hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A nhận.

[12]Từ những căn cứ nên trên Hội đồng xét xử thống nhất sửa án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của chị T và anh L. Buộc chị T1 có nghĩa vụ giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A 230,1m^2 đất thổ vườn. Ghi nhận sự tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A giao cho bà Cao Thị Đ phần diện tích 230,1m^2 đất thổ vườn. Chia cho chị T1 được quyền sử dụng diện tích 601,8m^2 đất thổ vườn. Chị T1 và chị V tự thỏa thuận tách thửa, sang quyền sử dụng đất mà chị V đã nhận chuyển nhượng của bà L. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A và chị T1 dành phần đất có diện tích 28,7m^2 + 17,7 m^2 để làm lối đi chung và lối đi vào khu mộ , phần đất diện tích 18m^2 làm lối đi chung; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị An và con cháu ông P được quyền chăm sóc mồ mà ông bà trên phần đất diện tích 81,6m^2.

[13] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là chị T và anh L không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại:

- Án phí bà Đ phải nộp: 101.020.000đ x 5% = 5.051.000đ. Xét đơn xin miễn án phí của bà Đ do bà Đ thuộc diện người cao tuổi theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên miễn toàn bộ án phí.

- Án phí chị T1 phải nộp 132.870.000đ x 5% = 6.643.500đ.

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; 309 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn L.

- Sửa bản án sơ thẩm số 52/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 609, 649, 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167, 168,169 Luật đất đai 2013; Điều 147, khoản 2 Điều 148, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.*Chấp nhận yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C và anh Đỗ Văn L.*

1.1.Buộc chị Lìm Ngọc Sang T1 có nghĩa vụ giao những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị Anh là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C và anh Đỗ Văn L được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 230,1m^2 loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 130,1m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc chiết thửa 229, tọa lạc tại ấp Phước Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất có vị trí 2 gồm các mốc 4, 5, 6, 7, 8, 9, 4 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất 06/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

1.2.Ghi nhận sự tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C và anh Đỗ Văn L tặng cho bà Cao Thị Đ di sản được nhận thừa kế để bà Cao Thị Đ dùng vào việc thờ cúng là phần đất có diện tích 230,1m^2 loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 130,1m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc chiết thửa 229, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất có vị trí 2 gồm các mốc 4, 5, 6, 7, 8, 9, 4 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất 06/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2.*Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Lìm Ngọc Sang T1.*

2.1.Chị Lìm Ngọc Sang T1 được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 601,8m^2 loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 200 m^2 đất ở nông thôn và 401,8m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc chiết thửa 229, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất có vị trí 1 gồm các mốc 1, 2, 3, 4 ,23 ,22 ,21 ,20 ,12 ,13 ,14 ,15 ,16,17,18, 1 và các móc 6, 7, 8, 28, 9, 25, 24, 6 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất 06/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C, anh Đỗ Văn L và chị Lìm Ngọc Sang T1 đồng ý dành phần đất làm lối đi chung và lối đi vào khu mộ bà Hà Thị Lợi có diện tích 17,7 m^2 + 28,7 m^2 + 18 m^2 loại trồng cây lâu năm thuộc chiết thửa 229, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất vị trí 1 gồm các mốc 5, 6, 24, 25, 9, 10, 11, 12, 20, 21, 22, 23, 4, 5 và phần đất vị trí 2 gồm các móc 1, 2, 3, 4, 8, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất 06/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C, anh Đỗ Văn L và chị Lìm Ngọc Sang T1 đồng ý cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C, anh Đỗ Văn Lvà con cháu ông Nguyễn Văn Phước được quyền chăm sóc mồ mã ông bà nằm trên phần đất có diện tích 81,6 m^2 loại trồng cây lâu năm thuộc chiết thửa 229, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất có vị trí 1 gồm các mốc 12, 13, 14, 19, 20, 12 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất 06/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2.4. Đối với phần đất nền nhà do chị Hồ Thị Thu V sử dụng nằm trong diện tích 601,8m^2 loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 200 m^2

đất ở nông thôn và 401,8m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc chiết thửa 229, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do bà Hà Thị L đã chuyển nhượng cho chị Vân thì chị V và chị T1 tự thỏa thuận giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Bà Cao Thị Đuột và chị Lìm Ngọc Sang T1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí giám định chữ ký, khảo sát đo đạc định giá tài sản :

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C, anh Đỗ Văn L phải chịu 5.508.500đ (năm triệu năm trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là 7.602.000đ (bảy triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hà Thị A là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C, anh Đỗ Văn L được nhận lại số tiền chênh lệch là 2.093.500đ (hai triệu không trăm chín mươi ba ngàn năm trăm đồng) .

- Chị Lìm Ngọc Sang T1 phải nộp 5.508.500đ (năm triệu năm trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng tại cấp sơ thẩm là 3.415.000đ (ba triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng), chị Lìm Ngọc Sang T1 phải nộp tiếp số tiền 2.093.500đ (hai triệu không trăm chín mươi ba ngàn năm trăm đồng) để hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Hà Thị A là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C, anh Đỗ Văn L nhận.

4. Về án phí:

- Bà Cao Thị Đuột miễn án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Hà Thị A là chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị K, anh Đỗ Văn S, chị Đỗ Thị C, anh Đỗ Văn L số tiền đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.750.000đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo lai thu số 027132 ngày 15/01/2015 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Lìm Ngọc Sang T1 phải nộp án phí sơ thẩm là 6.643.500đ (sáu triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 287.000đ (hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng) theo lai thu số 0004484 ngày 12/4/2016 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long . Chị Lìm Ngọc Sang T1 phải nộp tiếp án phí sơ thẩm là 6.356.500đ (sáu triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

- Chị Đỗ Thị T1 không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị T1 số tiền nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) biên lai thu số ngày 0001890 ngày 26/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

- Anh Đỗ Văn L không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh L tiền nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) biên lai thu số ngày 0001891 ngày 26/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

(Vị trí, tứ cận các thửa đất: Có các Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 06/ 06/2019 kèm theo bản án).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC Tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Long Hồ;
- Chi Cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tổ HC-TP; TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung